TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:103/2017/HNGĐ-ST Ngày: 28-9-2017 V/v tranh chấp ly hôn giữa anh M và chị V	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆNC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Út**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành**

2. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Võ Thị Lệ Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyệnC, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyệnC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Ấp Cầu N, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2017 và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Phạm Thị V cưới nhau vào đầu năm 2016, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn trước khi cưới vào ngày 31/12/2013 tại UBND xã L, huyệnC, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị V có thai trên hai tháng thì chị V không cho anh ngủ chung vì sợ hư thai, vợ chồng cãi nhau, lúc nóng giận anh có đánh chị V một bạc tay, chị V đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và tự ý phá thai mà không có sự đồng ý của anh. Anh có đến gia đình cha mẹ vợ nhưng không gặp mặt chị V nên vợ chồng anh đã sống ly thân từ

tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị V.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Phạm Thị V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị V không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị V không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị V.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là tranh chấp ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyệnC, tỉnh Long An.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị V xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2013 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng anh M, chị V có mâu thuẫn với nhau là do bất đồng quan điểm sống. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh M và chị V không cùng nhau tìm ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay.

Đối với chị V, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị V nhưng chị V không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, chứng tỏ chị V không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh M để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh M yêu cầu được ly hôn với chị V là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M đối với chị V.

[4] Về nuôi con chung: Anh M nêu không có nên không đề cập.

[5] Về chia tài sản: Anh M nêu không có tài sản chung nên không đề cập.

[6] Về nợ: Anh M nêu không có nợ chung nên không đề cập.

Nhưng nếu sau này chị V cung cấp chứng cứ chứng M giữa chị V và anh M có con chung, tài sản chung và nợ chung thì chị V có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Anh M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh M và chị V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M với chị Phạm Thị V.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp tại biên lai số 0000263 ngày 16/8/2017của Chi cục thi hành án dân sự huyệnC, anh M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyệnC;
- Chi cục THADS huyệnC;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Út